

Số: 970/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc Tòa án nhân dân**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:**

Kế hoạch xét xử, văn bản xin ý kiến, trao đổi của Tòa án nhân dân với các cơ quan bảo vệ pháp luật, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền về việc xử lý, xét xử các vụ án, về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

**Điều 2. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:**

1. Kế hoạch, nội dung phối hợp công tác liên ngành về đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, tội phạm tham nhũng nghiêm trọng, tội phạm mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

2. Quan điểm, ý kiến của cá nhân thành viên Hội đồng xét xử của các cấp Tòa án khi nghị án; kết luận của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc kết luận của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm chưa công khai; văn bản trao đổi nghiệp vụ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về việc giải quyết các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

3. Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chủ trương, định hướng lớn liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân chưa công khai.

4. Báo cáo của Tòa án nhân dân về việc chưa thi hành án tử hình phục vụ yêu cầu điều tra mở rộng vụ án và yêu cầu đối ngoại.

5. Báo cáo về các vụ án được xét xử kín trong trường hợp cần giữ bí mật nhà nước.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- A03 (BCA);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). 111

